

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày 17 - 11 - 2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HOÁ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Văn Diễm

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020, theo B định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn A; sinh ngày 20 tháng 12 năm 1994; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng E, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn I; con bà: Bùi Thị K; có vợ là Lưu Thị L và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 09/8/2020 đến ngày 12/8/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2020 đến nay. Có mặt.

2. Bùi Văn B; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1968; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng E, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn M (Chết); con bà: Quách Thị N; có vợ là Bùi Thị O và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 09/8/2020 đến ngày 12/8/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/8/2020 đến nay. Có mặt.

3. Trịnh Ngọc C; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1977; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Làng E, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Đăng P (Chết); con bà: Phạm Thị Q; có vợ là Bùi Thị U và

có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 03/3/2017, bị Công an huyện **H**, tỉnh Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã chấp hành nộp phạt vào ngày 16/3/2017; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2020 đến ngày 13/8/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/8/2020 đến nay. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:*

1. Ông Trương Văn **D**; sinh năm: 1965; nơi cư trú: Làng **E**, xã **G**, huyện **H**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị **F**; sinh năm: 1965; nơi cư trú: Làng **E**, xã **G**, huyện **H**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ, ngày 09/8/2020, Lê Văn **A**, sinh năm: 1994, cư trú tại: làng **E**, xã **G**, huyện **H** điều khiển xe mô tô BKS: 36K5-168.31 đi đến ngã ba làng **E**, xã **G**, huyện **H** thì gặp Trịnh Ngọc **C**, sinh năm: 1977, cư trú tại: làng **E**, xã **G**, huyện **H** đi mua thức ăn, trong lúc nói chuyện với nhau **A** rủ **C** đánh bạc, **C** đồng ý. Sau đó **A** và **C** thấy có một chiếc chiếu đang để trên bàn bán hàng (Rau, củ, quả...) của gia đình Bùi Văn **B**, sinh năm: 1968, cư trú tại: làng **E**, xã **G**, huyện **H** nên lấy chiếc chiếu trên trải xuống lề đường trước cổng nhà bà Vũ Thị Mận, gần với bàn bán hàng nhà **B** để ngồi đánh bạc, **A** mở cốp xe mô tô BKS: 36K5-168.31 lấy ra hai bộ bài tứ lơ khơ 52 cây, **A** và **C** thống nhất đánh bạc bằng hình thức ba cây cầm chương nên bỏ đi các quân bài từ quân 10 đến quân K, chỉ sử dụng các quân bài từ quân A đến quân 9 để đánh bạc. **A** và **C** đánh bạc được một lúc thì Bùi Văn **B** đi đến ngã ba làng **E** để bán hàng, lúc này **B** thấy **A** và **C** đang ngồi đánh bạc dưới chiếu gần bàn bán hàng của mình, sau khi đứng xem một lúc **B** cũng xin tham gia đánh bạc thì **A** và **C** đồng ý. Đến khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày trong lúc **A**, **C** và **B** đang đánh bạc, thì bị Công an xã **G**, huyện **H** phát hiện, bắt quả tang, **C** đã bỏ chạy, Công an xã **G** đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ các vật chứng có liên quan và đưa **A**, **B** về trụ sở Công an xã để làm rõ.

Vật chứng thu giữ gồm có:

+ 02 (Hai) bộ 36 (Ba mươi sáu) quân bài (Từ quân A đến quân 9) của hai bộ bài tứ lơ khơ 52 cây;

+ Tiền Việt Nam đồng, tổng số tiền là 5.340.000đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng);

+ 01 (Một) ví da màu đen, bên trong có: 01 (Một) Giấy CMND số: 172434144, 01 (Một) giấy phép lái xe số: 380186009421, đều mang tên Trịnh Ngọc **C**; Tiền Việt Nam đồng, tổng số tiền là 170.000đ (Một trăm bảy mươi nghìn đồng);

+ 01 (Một) điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7

Prime, màu trắng hồng, số Imei: 357625/08/839479/9;

+ 01 (Một) xe mô tô BKS: 36K5-168.31; Nhãn hiệu YAMAHA Sirius; Màu sơn: trắng - đen, Số máy: E3X9E343003; Số khung: 3220HY076454.

Công an xã **G** đã bàn giao đối tượng, tang vật và hồ sơ cho Công an huyện **H** để điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSNL ngày 14 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **H**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Lê Văn **A**, Bùi Văn **B** và Trịnh Ngọc **C** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Lê Văn **A** từ 08 đến 11 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Trịnh Ngọc **C** từ 07 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **B** từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ sẽ được quy đổi trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 (Hai) bộ bài tú lơ khơ 36 (Ba mươi sáu) quân bài (Tứ quân A đến quân 9), đã qua sử dụng; tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 5.340.000đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Lê Văn **A** khai nhận: Bị cáo là người rủ bị cáo **C** đánh bạc tại ngã ba làng **E**, xã **G**, huyện **H** trước cổng nhà bà Vũ Thị Mận. Bị cáo là người chuẩn bị bài, chải chiếu để đánh bạc. Sau đó có thêm bị cáo **B** vào tham gia đánh bạc cùng.

Các bị cáo Trịnh Ngọc **C** và Bùi Văn **B** thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định. Gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn.

Người làm chứng bà Bùi Thị Thanh đều thống nhất với lời trình bày của các bị cáo về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Lời trình bày trong quá trình điều tra vụ án của ông Trương Văn **D** đều thống nhất với lời trình bày của các bị cáo về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề **D** Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Vào khoảng hơn 06 giờ, ngày 09 tháng 8 năm 2020, các bị cáo Lê Văn **A**, Trịnh Ngọc **C** và Bùi Văn **B** đã cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây cầm chương ăn tiền tại ngã ba làng **E**, xã **G**, huyện **H** trước cổng nhà bà Vũ Thị Mận với tổng số tiền đánh bạc được xác định là 5.340.000đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó bị cáo Lê Văn **A** là người khởi xướng, rủ rê bị cáo **C** tham gia đánh bạc, bị cáo là người chuẩn bị bộ bài, c**C** chiếu, tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên có vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo Trịnh Ngọc **C** tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên có vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Bùi Văn **B** tham gia đánh bạc sau nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và đều có 02 tình tiết giảm nhẹ như sau: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS

Bị cáo **C** đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Bị cáo **A** có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo **C** có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo có nhân thân tốt (bị cáo **C** đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc nhưng đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính); các bị cáo có nơi thường trú rõ ràng, nghĩ cần áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **B** có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo tham gia đánh bạc sau, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, nghĩ cần áp dụng Điều 36 BLHS để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Bị cáo **B** bị tạm giữ từ trước 03 ngày sẽ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghĩ không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về vật chứng: Số tiền 5.340.000đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) là tiền dùng để phạm tội nghĩ cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; 02 (Hai) bộ bài tú lơ khơ 36 (Ba mươi sáu) quân bài (Từ quân A đến quân 9), đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy. Các vật chứng còn lại đã được xử lý trong giai đoạn điều tra, giao trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **H**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện **H**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn **A**, Trịnh Ngọc **C** và Bùi Văn **B** phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Lê Văn **A** 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Trịnh Ngọc **C** 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lê Văn **A** và Trịnh Ngọc **C** cho Ủy ban nhân dân xã **G**, huyện **H**, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Lê Văn **A** và Trịnh Ngọc **C** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **B** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi từ 03 (Ba) ngày bị tạm giữ từ trước.

Giao bị cáo Bùi Văn **B** cho Ủy ban nhân dân xã **G**, huyện **H**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 5.340.000đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng), số tiền này đang được gửi tại Kho bạc nhà nước huyện **H** theo Ủy nhiệm chi ngày 19/10/2020 của Công an huyện **H**.

Tịch thu tiêu huỷ 02 (Hai) bộ bài tú lơ khơ 36 (Ba mươi sáu) quân bài (Từ quân A đến quân 9), đã qua sử dụng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/10/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện **H**.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: các bị cáo Lê Văn **A**, Trịnh Ngọc **C** và Bùi Văn **B**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- CQĐT CA huyện **H**;
- CQTHAHS CA huyện **H**;
- VKSND huyện **H**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Trung Thành**

**Phạm Văn Điềm**

**Nguyễn Thanh Tân**

